

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim **Linh**;
2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 650/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa **số:** 47A/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 130 Đường L, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ **Chi** nhánh: Số 35, Quốc lộ A, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Ngô Phước L là nhân viên của Ngân hàng TMCP A (Chi nhánh Đồng Tháp) - Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định số 133B/QĐ-ĐTH, ngày 26/6/2020 của Ngân hàng A về việc ủy quyền thường xuyên cho ông Ngô Phước L tại các cơ quan pháp luật). Anh L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đông Á và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp

của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Thanh T giao kết hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đồng Tháp (gọi vắn tắt là Ngân hàng A); hợp đồng vay được thể hiện bằng văn bản là Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (dành cho CBCNV vay tiêu dùng tín chấp) đề ngày 27/12/2016 có chữ ký và ghi họ tên anh Nguyễn Thanh T được Ngân hàng A phê duyệt ngày 10/01/2017. Nội dung chi tiết của hợp đồng vay như sau: Số tiền vay: 16.000.000 đồng; Thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất: 8%/năm; Hình thức trả: Trả góp mỗi kỳ 775.000 đồng; Đợt vay: 0162023801T17001; Ngày vay 19/01/2017; Ngày đáo hạn: 19/01/2019; Mục đích vay: Tiêu dùng; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, từ ngày 19/01/2017 đến 17/12/2018 anh Nguyễn Thanh T đã trả được số tiền tổng cộng là 16.165.508 đồng (trong đó, vốn gốc: 13.615.001 đồng; Lãi trong hạn: 2.550.507 đồng). Từ ngày 19/01/2019, anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/11/2020, anh T còn nợ Ngân hàng A số tiền 3.094.492 đồng (trong đó, vốn gốc: 2.384.999 đồng; lãi trong hạn: 9.493 đồng; lãi quá hạn: 700.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Thanh T trả số tiền nợ vay tổng cộng là 3.094.492 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc là 2.384.999 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn là anh T trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 829.493 đồng (Trong đó tiền lãi trong hạn là 9.493 đồng; lãi quá hạn là 820.000 đồng); Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vay cả vốn gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 3.214.492 đồng (Ba triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng); và bị đơn là anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng A (bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn) cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh T, nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh T không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, và vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay và trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn giao nộp đã đủ cơ sở xác định vào ngày 19/01/2017, anh Nguyễn Thanh T có giao kết hợp đồng vay với Ngân hàng A để vay số tiền 16.000.000 đồng, có Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đề ngày 27/12/2016 là chứng cứ chứng minh.

Hợp đồng vay được giao kết giữa anh T và Ngân hàng là một giao dịch dân sự. Khi giao kết hợp đồng anh T là người có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp với việc xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay này. Việc anh T vay tiền của Ngân hàng A để tiêu dùng và Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/12/2016 có thể hiện chữ ký và ghi họ tên anh Nguyễn Thanh T chứng tỏ anh T tham gia giao dịch dân sự này là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích của giao dịch dân sự này phù hợp quy định pháp luật. Về nội dung của giao dịch giữa anh T và Ngân hàng là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về thời hạn vay, mục đích vay, hình thức trả nợ vay, các thỏa thuận này đều phù hợp với quy định tại các điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự; Lãi suất vay trong hợp đồng này cũng được các bên thỏa thuận, quyền thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đây là hợp đồng vay có một bên là tổ chức tín dụng, và mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay đều đảm bảo tuân theo quy định của khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Từ đó cho thấy mục đích và nội dung của giao dịch dân sự này không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa anh T và Ngân hàng A có đủ các điều kiện có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự, nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, phía nguyên đơn Ngân hàng A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự, cụ thể Ngân hàng đã giải ngân cho anh T thông qua tài khoản thẻ số 0110448924 của anh T mở tại Ngân hàng A - Chi nhánh Đồng Tháp đủ số tiền vốn vay là 16.000.000 đồng. Việc giải ngân của Ngân hàng được chứng minh bằng Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ của Ngân hàng A ngày 19/02/2017 có thể hiện chữ ký và họ tên của anh Nguyễn Thanh T. Về phía bị đơn là anh T đã nhận đủ số tiền vay, nhưng đã không thực đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự cũng như

theo thỏa thuận mà hai bên đã giao kết. Cụ thể, theo thỏa thuận, anh T có nghĩa vụ trả vốn vay phân kỳ; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 19/01/2019. Từ ngày 19/01/2017 đến 17/12/2018 anh T đã trả được số tiền tổng cộng 16.165.508 đồng (trong đó vốn gốc là 13.615.001 đồng; Lãi trong hạn: 2.550.507 đồng). Tuy nhiên từ ngày 19/01/2019, anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay và Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại sang nợ quá hạn. Quá trình trả nợ của anh T được thể hiện thông qua bản sao kê hoạt động của khách hàng vay ngày 09/11/2020 của Ngân hàng A đối với khách hàng tên Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi tăng thêm từ ngày khởi kiện đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”. **Xét thấy việc thay đổi yêu cầu thêm phần lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử của nguyên đơn đối với bị đơn vẫn thuộc nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các bên, sự thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.**

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Do bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng vay mà anh T đã trực tiếp giao kết với Ngân hàng A. Cụ thể anh T đã không trả số tiền nợ gốc cho nên anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn vay còn lại là 2.384.999 đồng là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đây là hợp đồng vay có lãi nên theo quy định tại 5 Điều 466, bên vay còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay, trong trường hợp này anh T phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay còn lại là từ ngày 18/12/2018 cho đến ngày hết hạn trả nợ vay là ngày 19/01/2019. Ngoài ra, từ ngày 19/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là khoản thời gian anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự; Việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là anh T trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 829.493 đồng (Trong đó tiền lãi trong hạn là 9.493 đồng; lãi quá hạn là 820.000 đồng).

Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng vay có thỏa thuận việc trả lãi; Và do nguyên đơn là Ngân hàng A yêu cầu anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, **nên kể** từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong cho Ngân

hàng, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải trả cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay giữa anh T với Ngân hàng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP, ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về phía bị đơn

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng anh Nguyễn Thanh T không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt anh T phải tự chịu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là anh Nguyễn Thanh T không thuộc trường hợp được xem xét miễn, giảm án phí, nên anh T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo, đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các đương sự được quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2, 3, 4 Điều 8; điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ vay là 3.214.492 đồng (Ba triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/0009865 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh T.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến